

KẾ HOẠCH
Phát triển nhãn hiệu chứng nhận An Giang
giai đoạn 2026–2030 và định hướng đến năm 2035

Căn cứ Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh An Giang về phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển nhãn hiệu chứng nhận An Giang giai đoạn 2026–2030 và định hướng đến năm 2035 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận An Giang (NHCN-AG) trở thành nhãn hiệu có uy tín cao, công cụ tin cậy của tỉnh trong việc xác nhận và đảm bảo chất lượng sản phẩm, giúp người tiêu dùng dễ dàng nhận biết và yên tâm sử dụng. Qua đó, nâng cao giá trị, uy tín và khả năng cạnh tranh của sản phẩm An Giang trên thị trường. Đồng thời, mở rộng phạm vi, quy mô và giá trị sử dụng NHCN-AG, gắn kết NHCN-AG với chuỗi giá trị, hệ thống truy xuất nguồn gốc và thị trường tiêu thụ, qua đó mang lại lợi ích thiết thực cho tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng nhãn hiệu (như nâng cao uy tín, mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường, gia tăng giá trị sản phẩm và thu nhập), góp phần phát triển nông nghiệp bền vững và nâng cao đời sống cho người sản xuất.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Năm 2026-2027 hoàn thiện quy chế quản lý và sử dụng NHCN-AG phù hợp với hướng dẫn của Cục Sở hữu trí tuệ; bổ sung ít nhất 05 nhóm sản phẩm mới được đăng ký sử dụng NHCN-AG.

Đưa ít nhất 10 sản phẩm mang NHCN-AG (02 sản phẩm/năm) vào tiêu thụ ổn định tại ít nhất 03 chuỗi siêu thị (Coopmart, Mega, Bách Hóa Xanh và các hệ thống tương đương).

Tham gia tối thiểu 05 sự kiện, hội chợ, triển lãm trong nước và 01 sự kiện quốc tế mỗi năm nhằm quảng bá sản phẩm gắn NHCN-AG.

Hàng năm tiếp tục tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN-AG, mỗi năm có từ 04 sản phẩm trở lên được trao quyền sử dụng NHCN-AG, trong giai đoạn 2026-2030 có ít nhất 20-30 sản phẩm được trao quyền.

Giao quản lý các pano quảng cáo NHCN-AG hiện hữu cho các địa phương; tùy điều kiện thực tế xem xét lắp đặt thêm các trụ pano quảng cáo NHCN-AG tại các vị trí phù hợp khi cần thiết.

Hàng năm, kiểm tra, giám sát 30% doanh nghiệp, cơ sở có sản phẩm đã được trao quyền sử dụng NHCN-AG, bảo đảm trong giai đoạn các sản phẩm được trao quyền đều được kiểm tra ít nhất 01 lần.

Đến năm 2028, hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào công tác, tiếp nhận, quản lý, kiểm tra việc sử dụng NHCN-AG.

3. Định hướng đến năm 2035

Tiếp tục nâng cao và khẳng định uy tín NHCN-AG trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế, trở thành đại diện cho các sản phẩm nông nghiệp an toàn, chất lượng, có nguồn gốc rõ ràng của tỉnh và bổ sung thêm sản phẩm khác có tiềm năng phát triển (nếu có).

Tăng cường sự tham gia, trách nhiệm và tính tự chủ của các tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN-AG.

Gắn phát triển NHCN-AG với nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, chuyển đổi số và hội nhập thị trường trong nước, quốc tế.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý nhãn hiệu chứng nhận

a) Nội dung triển khai:

Rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý và sử dụng NHCN-AG nhằm khắc phục các bất cập phát sinh trong quá trình triển khai, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và tình hình thực tiễn sản xuất, kinh doanh của tỉnh.

Hoàn thiện quy chế cấp bản mềm logo NHCN-AG cho các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng để chủ động in ấn, sử dụng trên bao bì sản phẩm. Quy định rõ việc sử dụng, thể hiện NHCN-AG trong trường hợp sản phẩm đồng thời mang các dấu hiệu khác như OCOP, VietGAP, GlobalGAP, HACCP..., bảo đảm tính thẩm mỹ, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả nhận diện.

Hoàn thiện hồ sơ pháp lý đăng ký bảo hộ bổ sung NHCN-AG đối với các nhóm sản phẩm đã nộp nhưng còn thiếu sót; đăng ký bổ sung đối với các sản phẩm mới, sản phẩm có tiềm năng phát triển của tỉnh theo từng giai đoạn.

b) Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức sử dụng NHCN-AG.

2. Phát triển tổ chức, cá nhân tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

a) Nội dung triển khai:

Tăng cường tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh cá thể có sản phẩm phù hợp tham gia đăng ký sử dụng NHCN-AG, ưu tiên các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao.

Phấn đấu giai đoạn 2026–2030 cấp quyền sử dụng NHCN-AG cho từ 20-30 tổ chức, cá nhân; đến năm 2030 có ít nhất 40 tổ chức, cá nhân duy trì sử dụng nhãn hiệu.

Gắn điều kiện sử dụng NHCN-AG với việc áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc và thực hiện đầy đủ quy định về ghi nhãn hàng hóa. Ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất kinh doanh có sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng nông thôn hoàn thiện các điều kiện về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và nhãn mác sản phẩm.

Tổ chức hội nghị tư vấn, hỗ trợ chủ thể sản xuất nâng cao chất lượng, truy xuất nguồn gốc, thiết kế bộ nhận diện thương hiệu (logo riêng, bao bì, nhãn sản phẩm hài hòa với logo NHCN-AG), tăng cường năng lực kinh doanh và tiếp thị số.

Hỗ trợ đưa sản phẩm tham gia hội chợ, triển lãm, tuần hàng nông sản trong và ngoài tỉnh.

b) Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức sử dụng NHCN-AG.

3. Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, khai thác NHCN-AG

a) Nội dung triển khai:

Xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu số về NHCN-AG, tích hợp thông tin về tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng, danh mục sản phẩm, tình trạng hiệu lực, kết quả kiểm tra, giám sát. Kết hợp ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào công tác tiếp nhận đăng ký sử dụng NHCN-AG.

Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN-AG đổi mới thiết bị, công nghệ, cải tiến bao bì, mẫu mã sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường theo các chương trình do các sở, ngành phụ trách.

b) Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; các tổ chức sử dụng NHCN-AG.

4. Nhóm nhiệm vụ truyền thông, quảng bá và xúc tiến thương mại

a) Nội dung triển khai:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá NHCN-AG trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số, mạng xã hội; xây dựng chuyên mục, nội dung truyền thông chuyên sâu nhằm nâng cao nhận diện của người tiêu dùng đối với sản phẩm mang NHCN-AG.

Các pano quảng cáo NHCN-AG hiện hữu giao địa phương trực tiếp quản lý. Trên cơ sở nhu cầu tuyên truyền, tổ chức khảo sát, lựa chọn vị trí phù hợp xem xét đề xuất phương án lắp đặt bổ sung các pano quảng cáo NHCN-AG khi cần thiết, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định (dự kiến 02- 03 trụ pano quảng cáo).

Lồng ghép quảng bá sản phẩm mang NHCN-AG trong các chương trình xúc tiến thương mại, du lịch, đầu tư; hỗ trợ đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, chuỗi phân phối trong và ngoài tỉnh.

Vận động, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia hội chợ, triển lãm, sự kiện kết nối cung cầu trong nước và từng bước tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại ở nước ngoài.

Hỗ trợ các chủ thể được cấp quyền sử dụng NHCN-AG tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số, mạng xã hội để quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

b) Phân công thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch An Giang; Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa và Thể thao; Sở Du lịch; UBND xã, phường, đặc khu.

5. Tăng cường quản lý, khảo sát việc sử dụng NHCN-AG đối với các sản phẩm được trao quyền sử dụng

a) Nội dung triển khai:

Tổ chức 01 cuộc kiểm tra, giám sát việc sử dụng NHCN-AG đối với các tổ chức, cá nhân đã được trao quyền, tập trung vào việc tuân thủ Quy chế quản lý và sử dụng, ghi nhãn hàng hóa, chất lượng sản phẩm.

Thực hiện thu hồi quyền sử dụng NHCN-AG đối với các trường hợp vi phạm quy định, không duy trì hoạt động sản xuất hoặc không bảo đảm chất lượng theo quy chế.

b) Tổ chức thực hiện:

Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan phối hợp: Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường, đặc khu.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng dự toán kinh phí thực hiện: 3.538.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm ba mươi tám triệu đồng) và phân bổ theo từng năm, cụ thể như sau:

Thời gian (năm)	Kinh phí (triệu đồng)
2026	438
2027	1.590
2028	440
2029	610
2030	460

(Chi tiết theo Phụ lục kèm theo)

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch này bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm được giao cho các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kế hoạch này, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước hằng năm tại đơn vị mình gửi Sở Tài chính thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Đối với các nhiệm vụ triển khai trong năm 2026, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan chủ động bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao năm 2026 để triển khai thực hiện.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Tài chính

Theo khả năng cân đối ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện Kế hoạch này.

3. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

4. Các sở, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì hoặc phối hợp triển khai các nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch, quảng bá sản phẩm NHCN-AG trên website của cơ quan, đơn vị phụ trách và có báo cáo kết quả thực hiện (khi có yêu cầu).

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức tuyên truyền, vận động tham gia sử dụng NHCN-AG; Phối hợp kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhãn hiệu đúng quy định; Hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm tại địa phương.

Lựa chọn các sản phẩm nông nghiệp thuộc địa bàn quản lý, bao gồm sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, sản phẩm ứng dụng công nghệ cao và các sản phẩm khác, trên cơ sở có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; bảo đảm yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (nếu có); được tổ chức sản xuất ổn định; không vi phạm quy định về sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan, để tham gia sử dụng NHCN-AG.

Quảng bá sản phẩm được trao quyền sử dụng NHCN-AG trên website của đơn vị và báo cáo kết quả thực hiện (khi có yêu cầu).

Quản lý các trụ pano quảng cáo NHCN-AG đã được lắp đặt trên địa bàn quản lý, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình bảo trì cũng như lắp đặt mới.

6. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh An Giang

Phối hợp các hoạt động tư vấn, phản biện chính sách; huy động đội ngũ chuyên gia khoa học và công nghệ tham gia hoàn thiện mô hình quản lý, phát triển NHCN; tổ chức hội thảo khoa học, diễn đàn kết nối chuyên gia, doanh nghiệp và địa phương; đề xuất các giải pháp đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả khai thác NHCN.

7. Các Hiệp hội, ngành, nghề

Tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình các Hiệp hội, ngành, nghề, tổ chức Hội/Hiệp hội ngành hàng tham gia thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn các thành viên tham gia khai thác, bảo vệ và giám sát các hoạt động trong việc quản lý và phát triển các NHCN-AG.

V. BÁO CÁO SƠ, TỔNG KẾT

Giao Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi và định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12) tham mưu báo cáo sơ kết việc thực hiện Kế hoạch; đến ngày 31/12/2030, tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất nội dung triển khai giai đoạn tiếp theo.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh cho phù hợp./. *Tqul*

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Báo và PTTH An Giang;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phong

KHÁI TOÁN KINH PHÍ

(Kèm theo Kế hoạch số: 510 /KH-UBND ngày 03 /09 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

TT	Nội dung	Thời gian	Kinh phí (triệu đồng)
I	Các nội dung triển khai 2026		438
1	Tiếp tục phối hợp Cục Sở hữu trí tuệ điều chỉnh, sửa chữa hồ sơ đăng ký bảo hộ bổ sung Nhãn hiệu chứng nhận An Giang.	2026	8
2	Vận động tham gia sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; tổ chức các hoạt động quản lý cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.	2026	100
3	In 50.000 tem Nhãn hiệu chứng nhận chỉ cấp đơn vị được trao quyền sử dụng có nhu cầu sử dụng; Cập nhật và biên tập 1.000 tờ bướm, 1.000 sổ tay Nhãn hiệu chứng nhận.	2026	20
4	Tham gia hội chợ, trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các địa phương trong nước.	2026	30
5	Hỗ trợ thay đổi thiết kế mẫu mã bao bì cho sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận đạt chứng nhận OCOP từ 3 sao trở lên.	2026	50
6	Xúc tiến các sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận vào các siêu thị: Coopmart, Mega, Bách hóa xanh, ...	2026	30
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác tiếp nhận, thẩm định Nhãn hiệu chứng nhận.	2026	50
8	Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận An Giang đối với các sản phẩm được trao quyền sử dụng.	2026	50
9	Tổ chức triển khai hoạt động truyền thông, quảng bá Nhãn hiệu chứng nhận trên các nền tảng số như YouTube, TikTok, ...	2026	100
II	Các nội dung triển khai 2027		1.590
1	Vận động tham gia sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; tổ chức các hoạt động quản lý cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận.	2027	150
2	In 40.000 tem Nhãn hiệu chứng nhận cấp cho đơn vị được trao quyền sử dụng có nhu cầu sử dụng; Cập nhật và biên tập 6.000 tờ bướm, 6.000	2027	40

	sổ tay Nhãn hiệu chứng nhận.		
3	Hỗ trợ thay đổi thiết kế mẫu mã bao bì cho sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận đạt chứng nhận OCOP từ 3 sao trở lên.	2027	50
4	Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm được trao quyền sử dụng.	2027	120
5	Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận ra nước ngoài cho một số sản phẩm có tiềm năng đã có thị trường xuất khẩu (Mỹ, Úc, Trung Quốc, Đức, Tây Ban Nha,...).	2027	200
6	Triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá Nhãn hiệu chứng nhận thông qua các nền tảng số và các hình thức trực quan, trực tiếp như tham gia hội chợ trưng bày giới thiệu sản phẩm, pano quảng cáo, YouTube, TikTok, ...	2027	900
7	Tổ chức hội nghị tư vấn, hỗ trợ chủ thể sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, phát triển thương hiệu và tăng cường năng lực kinh doanh và tiếp thị số.	2027	130
III	Các nội dung triển khai 2028		440
1	Hỗ trợ thay đổi thiết kế mẫu mã bao bì cho sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận đạt chứng nhận OCOP từ 3 sao trở lên.	2028	50
2	Tham gia hội chợ, trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các địa phương trong nước.	2028	30
3	Xúc tiến các sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận vào các siêu thị: Coopmart, Mega, Bách hóa xanh, ...	2028	30
4	Vận động tham gia sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; tổ chức các hoạt động quản lý cấp quyền sử dụng.	2028	100
5	Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm được trao quyền sử dụng.	2028	100
6	Cập nhật và biên tập 6.000 tờ bướm, 6.000 sổ tay Nhãn hiệu chứng nhận.	2028	30
7	Tổ chức triển khai hoạt động truyền thông, quảng bá Nhãn hiệu chứng nhận trên các nền tảng số như YouTube, TikTok, ...	2028	100
IV	Các nội dung triển khai 2029		610
1	Hỗ trợ thay đổi thiết kế mẫu mã bao bì cho sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận đạt chứng	2029	50

	nhận OCOP từ 3 sao trở lên.		
2	Tham gia hội chợ, trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các địa phương trong nước.	2029	30
3	Cập nhật và biên tập 6.000 tờ bướm, 6.000 sổ tay Nhãn hiệu chứng nhận.	2029	30
4	Kiểm tra việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm được trao quyền sử dụng.	2029	100
5	Vận động tham gia sử dụng nhãn hiệu chứng nhận; tổ chức các hoạt động quản lý cấp quyền sử dụng.	2029	100
6	Tổ chức triển khai hoạt động truyền thông, quảng bá Nhãn hiệu chứng nhận trên các nền tảng số như YouTube, TikTok, ...	2029	100
7	Tổ chức hội nghị tư vấn, hỗ trợ chủ thể sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, phát triển thương hiệu và tăng cường năng lực kinh doanh và tiếp thị số.	2029	200
V	Các nội dung triển khai 2030		460
1	Hỗ trợ thay đổi thiết kế mẫu mã bao bì cho sản phẩm mang Nhãn hiệu chứng nhận đạt chứng nhận OCOP từ 3 sao trở lên.	2030	100
2	Tham gia hội chợ, trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các địa phương trong nước;	2030	30
3	Vận động đơn vị tham gia sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; tổ chức các hoạt động quản lý cấp quyền sử dụng.	2030	100
4	Kiểm tra việc sử dụng đối với các sản phẩm được trao quyền sử dụng.	2030	100
5	Cập nhật và biên tập 6.000 tờ bướm, 6.000 sổ tay Nhãn hiệu chứng nhận.	2030	30
6	Tổ chức triển khai hoạt động truyền thông, quảng bá Nhãn hiệu chứng nhận trên các nền tảng số như YouTube, TikTok, ...	2030	100
	Tổng (I+II+III+IV+V)		3.538.000.000